

LỰA CHỌN PHONG CÁCH HỌC PHÙ HỢP VỚI KIỂU TRÍ TUỆ CỦA NGƯỜI HỌC

Phan Thị Ngọc Nhanh - Trường Đại học An Giang

Ngày nhận bài: 21/03/2018; ngày sửa chữa: 28/03/2018; ngày duyệt đăng: 23/04/2018.

Abstract: Each person has own type of nerve which determines the specific type of intelligence. Left-brained people who have a type of linguistic intelligence, logic, mathematics, introspective match brief presentation and logical reasoning. Right-brained people who have intellectual type of music, visual - space and communication are accorded for creative writing. To learn well, learners need to know what type of intelligence to choose the right study styles. The article points to the intellectual characteristics of left brainer and right brainer and shows suitable learning methods and advices to learn better.

Keywords: Left brainer, right brainer, intellectual type, study styles.

1. Mở đầu

Cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, GD-ĐT trong giai đoạn hội nhập cũng đã thay đổi nhiều so với trước đây. Hiện nay, quan điểm giáo dục “Lấy người học làm trung tâm” không chỉ được áp dụng trong môi trường giáo dục đại học, phổ thông mà còn áp dụng cho cả bậc học mầm non. Để thực hiện tốt quan điểm này, nhà giáo dục cần áp dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy và người học cần tích cực trong hoạt động cá nhân lẫn tập thể với cách học phù hợp để chiếm lĩnh nguồn kiến thức vô tận. Vậy, làm thế nào để người học có thể chủ động trong quá trình tích lũy tri thức, nâng cao trí tuệ của bản thân giúp việc học tập đạt hiệu quả cao?

Bài viết này khái quát một số nghiên cứu về phong cách học (PCH) và kiểu trí tuệ (KTT) của con người, từ đó có thể lựa chọn phong cách học tập phù hợp với KTT của người học; đồng thời khẳng định tính hiệu quả thông qua thực nghiệm sư phạm.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

2.1.1. Phong cách học

“Phong cách học” được hiểu như là những cách thức mà mỗi người sử dụng trong quá trình học tập và rèn luyện. PCH của mỗi người được quyết định bởi cách mà não bộ nhận thức và sử dụng thông tin. Theo quan điểm của Anthony F. Gregorc, con người tiếp nhận thông tin theo kiểu cụ thể hoặc trừu tượng và sử dụng thông tin theo trình tự hoặc ngẫu nhiên. Tiếp nhận thông tin thông qua 5 giác quan chính là kiểu nhận thức cụ thể; ngược lại, tiếp nhận thông tin bằng cách dùng trực giác, lí luận, trí tưởng tượng là kiểu nhận thức trừu tượng [1]. Não bộ của chúng ta có thể sắp xếp thông tin một cách ngăn nắp, có trật tự trước - sau, quan trọng - không quan trọng, mang tính logic cao (kiểu sắp xếp theo trình tự) hoặc một

cách ngẫu nhiên, không theo một thứ tự cụ thể (kiểu sắp xếp ngẫu nhiên).

Như vậy, mỗi người có PCH khác nhau do não bộ quyết định. Nếu chúng ta sử dụng cách học phù hợp sẽ phát huy hết tiềm lực của não bộ và hiệu quả học tập sẽ cao hơn; ngược lại, nếu cố áp đặt não bộ phải tuân theo PCH khác thì kết quả sẽ không như chúng ta mong đợi.

PCH đã được đề cập đến từ rất lâu; tuy nhiên, các nghiên cứu mới được tiến hành từ năm 1960. Lúc này các chuyên gia tập trung nghiên cứu PCH theo 3 xu hướng chính mang tính lí thuyết, sư phạm và thương mại. Theo xu hướng lí thuyết, các nhà nghiên cứu đưa ra mô hình những quan điểm và xây dựng các bộ công cụ đo khác nhau. Khi đánh giá các mô hình, họ cũng đã chứng minh PCH có ảnh hưởng đến việc dạy và học. Đối với xu hướng sư phạm, các nghiên cứu thiên về tâm lí học, quản lí và giáo dục học với mục tiêu làm rõ căn cứ và lí luận về lí thuyết mà họ theo đuổi. Xu hướng thứ ba tập trung vào việc phát triển các công cụ nhằm đưa chúng đến với các người học. Trong thập niên 70 của thế kỉ XX, một số nghiên cứu đã cho thấy thành tích học tập của học sinh tăng lên khi các phương pháp giảng dạy phù hợp với PCH của họ. Đến năm 1989, trong nghiên cứu khảo sát về PCH, R. Dunn, J. S. Beaudry và A. Klavas đã nhận định rằng, PCH của cá nhân học sinh giúp họ làm chủ được nội dung kiến thức và đa số học sinh lớp từ lớp 3 đến lớp 8 học tập hiệu quả hơn khi học theo nhóm [2]. Năm 2014, Nguyễn Văn Hạnh đã triển khai ứng dụng mô hình PCH của David A. Kolb vào 3 bước của quá trình lên tiết dạy học và ông cho rằng, nếu dạy học theo PCH sẽ giúp người học phát triển năng lực, kinh nghiệm của bản thân [3].

2.1.2. Kiểu trí tuệ

Trí tuệ là một hoạt động đặc biệt phức tạp, có liên quan đến nhiều hoạt động khác như thần kinh, thể chất,

tình cảm, xã hội... và nhiều hiện tượng tâm lí khác nhau. Trí tuệ được biểu hiện ở các phẩm chất như óc tò mò, sự kiên trì; biểu hiện qua nhận thức như nhanh hiểu, nhanh nhớ, biết suy xét; biểu hiện ở hành động như linh hoạt, sáng tạo, nhanh trí; biểu hiện ở khả năng tưởng tượng phong phú, hình dung nhanh chóng... [4].

Trí tuệ được hiểu theo nhiều cách khác nhau: trí thông minh, năng lực học tập, năng lực tư duy trừu tượng, trí khôn, năng lực trí tuệ... Theo H. Gardner, trí thông minh của con người có 7 kiểu: ngôn ngữ, logic - toán học, vận động, âm nhạc, xã hội, cá nhân, thị giác - không gian và não bộ mỗi người sẽ trội hơn về một vài loại trong các kiểu thông minh trên [5]. Chẳng hạn, trong một lớp học có nhiều tài năng khác nhau: một số sinh viên (SV) rất giỏi về tính toán; số khác lại hát rất hay, một số thì có năng khiếu về thể chất và ngôn ngữ nói... Hiện nay, thuyết đa trí tuệ của H. Gardner đã được ứng dụng trong giáo dục ở nhiều nơi trên thế giới. Tại Việt Nam, đã có nhiều nghiên cứu về thuyết đa trí tuệ: từ kinh nghiệm chia nhóm theo hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi theo thuyết đa trí thông minh của Lê Thị Bích Ngọc (2009) [6]; nghiên cứu lí thuyết đa trí tuệ làm cơ sở cho việc đổi mới phương pháp dạy học trong hành trình tiếp cận lấy người học làm trung tâm của Phan Văn Nhân (2013) [7] đến cách thức tổ chức hoạt động nhóm trong dạy học toán theo hướng tiếp cận thuyết đa trí tuệ của Trần Văn Trung (2017) [8]... Nhìn chung, các tác giả đều thống nhất quan điểm: mọi người đều thông minh theo cách của họ, mỗi đứa trẻ có những KTT khác nhau, người giáo dục cần hiểu rõ để khai thác hết tiềm năng ẩn giấu.

Trí tuệ của mỗi người được quy định bởi hai yếu tố chính là di truyền và môi trường. Ở phương diện di truyền, trí tuệ là hoạt động chức năng chủ yếu của vỏ não. Theo lí thuyết di truyền, người ta nghĩ rằng, nếu bố mẹ thông minh thì con cái cũng được thừa hưởng sự thông minh đó theo kiểu “thông minh từ trong trứng nước” và trí tuệ được quy định sẵn trên vỏ não. Tuy nhiên, trí tuệ còn chịu ảnh hưởng rất lớn từ quá trình học tập như câu tục ngữ “Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học” và học phải phù hợp với năng lực người học. Vì vậy, việc biết mình có đặc điểm trí tuệ như thế nào là điều rất quan trọng trong quá trình học tập. Nó giúp người học có thể lựa chọn những cách học phù hợp với hoạt động thần kinh vốn có của mình để quá trình học tập diễn ra nhanh chóng, dễ dàng và đạt hiệu quả cao nhất nhưng lại tiêu hao năng lượng ở mức thấp nhất.

KTT và PCH được thể hiện ngay từ tuổi ấu thơ qua các hoạt động vui chơi và giao tiếp hàng ngày mà chúng ta thường gọi là *tính cách* [1]. Tuy nhiên, đến tuổi dậy thì (12-16 tuổi), những đặc điểm của trí tuệ và cách thức học mới thể hiện đầy đủ và rõ ràng, vì lúc này chức năng của

não bộ được hoàn thiện hoàn toàn. Vì vậy, bài viết này nêu lên đặc điểm trí tuệ và cách thức tổ chức học tập phù hợp cho những đối tượng đủ độ chín muồi về mặt sinh lí thần kinh, đó là học sinh cấp 2-3, SV và học viên sau đại học.

2.2. Đặc điểm trí tuệ của con người

Hiện nay, nhiều nhà sinh lí học cho rằng, trên vỏ não có sự phân vùng chức năng, mỗi vùng phụ trách một nhiệm vụ: nửa não bên trái điều khiển về ngôn ngữ (nói và viết), sắp xếp, lí luận, phân tích, thích hợp với kiểu học tập thị giác, thính giác và xúc giác; nửa não bên phải sẽ trội hơn về thị giác - không gian, tình cảm, nghệ thuật, sáng tạo, thích hợp với kiểu học tập thị giác, vận động xúc giác hoặc kiểu không xác định [5]. Những người nào có bán cầu não trái (NT) ưu thế thì sẽ có nhiều đặc điểm trí tuệ của nửa NT, được gọi là tuýp NT. Ngược lại, ai có bán cầu não phải (NP) ưu thế sẽ có nhiều đặc điểm trí tuệ của nửa NP, được gọi là tuýp NP. Kết hợp *thuyết đa trí tuệ* của H. Gardner với *PCH* của Anthony F. Gregorc và quan điểm *bán cầu não ưu thế*, ta có cách học tập của mỗi tuýp người như sau (bảng 1):

Bảng 1. Đặc điểm trí tuệ của tuýp NT và tuýp NP

Tuýp người	Đặc điểm trí tuệ thể hiện trong PCH	
	Ưu điểm	Nhược điểm
NT	KTT đặc trưng: ngôn ngữ, logic - toán học, nội tâm	
	<ul style="list-style-type: none"> - Có tính kỉ luật cao, nghiêm túc trong học tập; - Luôn lập kế hoạch cụ thể cho các công việc sẽ thực hiện và tuân thủ về mặt thời gian; - Ghi chép vấn đề ngắn gọn, đủ ý chính; - Báo cáo rõ ràng, đúng trọng tâm, trình bày lưu loát; - Có khả năng suy luận và lập luận tốt; - Có khả năng tư duy độc lập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo thủ, khó chấp nhận sự góp ý của người khác; - Thường chủ quan, không ghi chép lại các ý tưởng; - Rập khuôn, kém linh hoạt trong xử lí tình huống; - Khó hòa nhập trong các hoạt động tập thể.
NP	KTT đặc trưng: âm nhạc, thị giác - không gian, giao tiếp	
	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng sáng tạo cao; - Khả năng ghi nhớ nhanh bằng thị giác; - Nhìn nhận tổng quan của vấn đề khá tốt; - Nhạy cảm, khả năng phán đoán tốt; - Có khả năng hợp tác tốt khi làm việc nhóm; - Có năng khiếu âm nhạc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có chính kiến, dễ dao động và thay đổi ý kiến; - Làm việc tùy hứng theo cảm xúc bản thân; - Trình bày vấn đề lan man.

Như vậy, mỗi người sẽ có những thế mạnh và hạn chế riêng trong cách thức học tập mà não bộ của họ đã quy định sẵn. Muốn học tập tốt, cần lựa chọn cho mình cách học phù hợp để phát huy thế mạnh và cải thiện những khuyết điểm của bản thân.

2.3. Lựa chọn phong cách học tập phù hợp với kiểu trí tuệ của người học

Đa số người đều có bán cầu não ưu thế, nghĩa là thuộc tuýp NT hoặc tuýp NP tương ứng với KTT đặc trưng. Nghiên cứu của Đoàn Văn Điều (2016) cho thấy, tuýp NT là phổ biến nhất (69,19%), tuýp NP chiếm tỉ lệ 25%, còn tuýp cân bằng (CB) chiếm tỉ lệ rất ít (5,81%) [8]. Mỗi KTT có những cách học khác nhau, được thể hiện trong *bảng 2*.

Bảng 2. PCH phù hợp và lời khuyên học tập hiệu quả

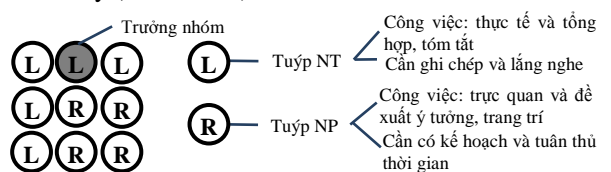
	Tuýp NT		Tuýp NP	
	PCH	Lời khuyên	PCH	Lời khuyên
Cách tiếp nhận và lưu trữ thông tin	Hiểu từng ý	- Lập dàn ý cho các nội dung học tập: sử dụng ngôn ngữ viết hoặc nói - Nên đọc thầm khi học bài	Tiếp nhận ở at	- Sơ đồ tư duy các nội dung học tập: sử dụng hình ảnh thay cho chữ viết - Khi học bài nên đọc to sẽ mau thuộc hơn
	Thông qua 5 giác quan		Chủ yếu bằng thị giác (Kiểu chụp ảnh)	
	Nhận thông tin qua từ ngữ, biểu tượng, kí hiệu		Nhận thông tin qua quan sát, tiếp xúc đối tượng thực tế	
	Trí nhớ ngôn ngữ tốt		Trí nhớ hình ảnh tốt	
Xử lí thông tin	Phân tích thực tế	Nếu được, hãy: - Lựa chọn phần việc liên quan đến thực tế	Phân đoán dựa vào trực giác	Nếu được, hãy: - Nói ngay và ngắn gọn khi nghĩ ra bất kỳ ý tưởng nào - Chọn thi đề mở
	Chứng minh quy nạp	- Chọn thi đề đóng	Chứng minh diễn dịch	
	Lập kế hoạch và xử lí theo trật tự	Nên ghi chép lại ý tưởng cẩn thận	Chia nhỏ vấn đề và xử lí ngẫu nhiên	Phải lập kế hoạch và sắp xếp lại các ý tưởng một cách khoa học

Trên đây là cách học và lời khuyên trong học tập theo đặc trưng trí tuệ của mỗi cá nhân nhằm củng cố và phát huy năng lực vốn có của mình, đồng thời khắc phục những khuyết điểm của bản thân trong các hoạt động cá nhân. Tuy nhiên, trong dạy học lấy người học làm trung tâm, hầu hết các môn học đều đòi hỏi người học phải hoạt động nhóm, làm bài tập nhóm hay còn gọi là dạy học hợp tác. Trong dạy học hợp tác, việc quan trọng là tạo động lực chung cho cả nhóm, sự hợp tác lẫn nhau theo lối “cộng sinh” - tất cả đều có lợi. Vậy nên kết nhóm như thế nào? Làm sao để tuýp NT và tuýp NP có thể cộng tác trong hoạt động nhóm?

Để hoạt động nhóm diễn ra trơn tru, CB, hợp tác và hiệu quả thì mỗi nhóm nên có người giỏi và người kém; có đầy đủ các dạng trí tuệ: NT, NP, CB. Có như vậy người học mới có thể bổ sung khiếm khuyết cho nhau, đồng thời

học hỏi ưu điểm của nhau với mục đích cuối cùng là đạt hiệu quả cao trong hoạt động và cải thiện bản thân.

Mỗi nội dung hoạt động nhóm đều có thời hạn hoàn thành và những yêu cầu riêng. Để đáp ứng được yêu cầu của giáo viên đưa ra thì mỗi nhóm cần có người đứng đầu (trưởng nhóm) để điều hành hoạt động của cả nhóm như: phân công nhiệm vụ, vạch ra mục tiêu và kế hoạch thực hiện. Đồng thời, trưởng nhóm cũng là người chịu trách nhiệm lập báo cáo cuối cùng. Qua xem xét về hoạt động thần kinh cấp cao của não bộ, ta thấy rằng, tuýp NT có khả năng tổ chức tốt, chín chắn, làm việc khoa học có kế hoạch cụ thể, tuân thủ đúng nguyên tắc về thời gian, trình bày báo cáo rõ ràng mạch lạc và không bị cảm xúc chi phối trong quá trình hoạt động. Vì vậy, khi chọn trưởng nhóm thì nên chọn người thuộc tuýp NT. Ngoài ra, khi thực hiện phân công nhiệm vụ trong nhóm, tuýp NT nên nhận những nội dung liên quan đến thực tế như tìm ví dụ minh chứng, tóm tắt kiến thức... và người tổng hợp ý tưởng cuối cùng nên là những người này. Như vậy, nếu bạn thuộc tuýp NT hãy mạnh dạn xung phong làm trưởng nhóm vì nếu nhóm trưởng là tuýp người NP thì bạn sẽ cảm thấy thất vọng trước sự điều hành của họ. Ngược lại, tuýp NP có cách nhìn tổng quan, có khả năng sáng tạo nhưng lại làm việc tùy hứng, không quan tâm đến thời hạn hoàn thành lại dễ bị chi phối bởi cảm xúc; do đó, những người này chỉ nên là nhóm viên; họ nên được phân công những nhiệm vụ mang tính trực quan, thiên về nghệ thuật như trang trí báo cáo, hình ảnh minh họa... và người đưa ra ý tưởng đầu tiên nên là những cá nhân này (xem *hình 1*).



Hình 1. Cách thành lập và hoạt động của nhóm học tập

2.4. Kết quả thực nghiệm bước đầu

Trong quá trình dạy học, tác giả đã sử dụng những đặc điểm ở *bảng 1* để phân loại KTT của 144 SV năm thứ nhất hệ đại học chuyên ngành Giáo dục Mầm non, Trường Đại học An Giang và tiến hành hai thử nghiệm: *kiểu kết nhóm (hình 1)* và *kiểu đề thi phù hợp với NT-NP*.

Kết quả phân loại KTT: có 83 SV thuộc tuýp NP, chiếm 57,64%; 55 SV thuộc tuýp NT, chiếm 38,19% và 6 SV thuộc tuýp CB, chiếm 4,17%.

Thực nghiệm số 1: Các SV trên được chia đều thành 16 nhóm với ba kiểu kết nhóm: 6 nhóm X gồm toàn bộ SV thuộc tuýp NP, 4 nhóm Y gồm toàn bộ SV thuộc tuýp NT; 6 nhóm Z gồm cả ba loại NT-NP-CB và được giao nhiệm vụ “Thiết kế góc tuyên truyền phòng tránh tai nạn

thương tích ở trường mầm non” với nội dung và đối tượng tùy chọn (xem sản phẩm ở hình 2).



Hình 2. Sản phẩm hoạt động của ba kiểu nhóm
2a - nhóm X, 2b - nhóm Y, 2c - nhóm Z

Kết quả bài tập được xem xét ở hai khía cạnh chủ yếu: nội dung (đa dạng vấn đề, sắp xếp hợp lí...) và hình thức (hấp dẫn về màu sắc, hình ảnh rõ đẹp, trang trí bắt mắt,...). Kết quả thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Kết quả phân loại bài tập của các nhóm

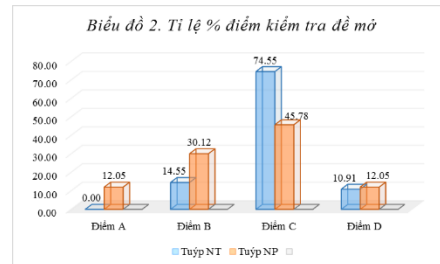
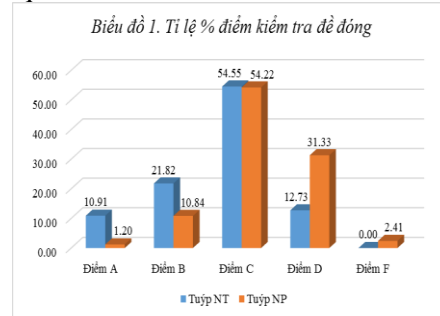
Kết quả	Nhóm X	Nhóm Y	Nhóm Z	Tổng số nhóm
Đạt cả 2 tiêu chí	1	1	5	7
Chỉ đạt về nội dung		3	1	4
Chỉ đạt về hình thức	5	0	0	5

Với kết quả trên, ta thấy rằng, có 5/6 sản phẩm của nhóm X đa dạng về màu sắc, trình bày đẹp và trang trí thu hút ánh nhìn của trẻ mẫu giáo nhưng nội dung triển khai rất đơn giản (chỉ có 4 nội dung giáo dục) (hình 2a). Ngược lại, 3/4 sơ đồ của nhóm Y có nội dung đầy đủ, trọng tâm, trình bày dễ nhìn nhưng hình ảnh mờ nhạt, trang trí đơn giản không bắt mắt (hình 2b). Trong khi đó, 5/6 sản phẩm của nhóm Z hài hòa cả về hình thức và nội dung: trang trí bắt mắt, thu hút, trình bày sáng tạo (dạng tranh lật), nội dung tuyên truyền đa dạng và xếp nhóm hợp lí (hình 2c). Kết quả trên cho thấy, nhóm với đầy đủ các tuýp NT-NP-CB sẽ kết hợp được tất cả ưu thế của các KTT và hoạt động hiệu quả hơn so với các nhóm khác.

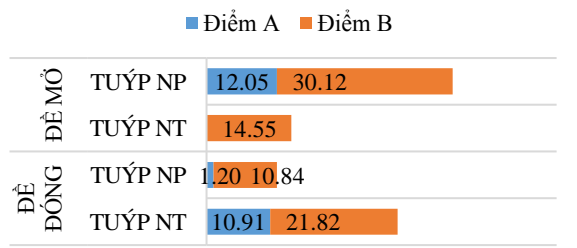
Thực nghiệm số 2: toàn bộ 144 SV trên được thực hiện 2 bài kiểm tra cách nhau một tuần: - Lần 1: Kiểm tra dạng đề đóng với các tiêu chí: trình bày đủ ý chính, phân tích vấn đề và lập luận để bài làm mang tính logic cao; - Lần 2: Kiểm tra dạng đề mở với các yêu cầu: trình bày tổng quan, xử lí tình huống sáng tạo.

Có 138 bài làm của SV tuýp NT và NP được phân tích ở mỗi lần kiểm tra và được chia nhóm theo thang điểm chữ: *Điểm A*: 8,5-10 điểm; *điểm B*: 7,0-8,4 điểm; *điểm C*: 5,5-6,9 điểm; *điểm D*: 4,0-5,4 điểm; *điểm F*: dưới 4 điểm.

Kết quả được thể hiện ở biểu đồ 1, 2, 3.



Biểu đồ 3. Tỷ lệ % điểm A, B của hai lần kiểm tra



Dựa vào kết quả ở biểu đồ 1 ta thấy, đối với đề đóng, tỉ lệ SV tuýp NT ở nhóm điểm cao (điểm A, B) chiếm tỉ lệ khá cao (10,91% điểm A và 21,82% điểm B), trong khi đó, tỉ lệ này ở tuýp NP thì rất thấp (1,20% điểm A và 10,84% điểm B). Ngược lại, ở nhóm điểm thấp thì SV tuýp NP lại chiếm tỉ lệ cao hơn so với tuýp NT (31,33% so với 12,73%) và không có SV tuýp NT nào bị điểm F.

Kết quả ở biểu đồ 2 cho thấy, đối với đề mở thì tỉ lệ điểm A của SV tuýp NP khá cao (12,05%), còn tuýp NT thì không có SV nào đạt điểm A. Ở nhóm điểm B, tỉ lệ tuýp NP cũng cao hơn tuýp NT (30,12% so với 14,55%).

Nếu chỉ xét nhóm bài kiểm tra đạt tiêu chí ở mức độ điểm cao (điểm A, B) thì biểu đồ 3 đã cho thấy có sự phân hóa giữa hai tuýp NT - NP với hai dạng đề đóng - mở.

Như vậy, SV tuýp NT thích hợp hơn với đề dạng đóng cần trình bày đủ ý chính, trật tự và logic. Ngược lại, SV tuýp NP thích hợp với dạng đề mở cần có sự sáng tạo trong cách kết nối các vấn đề.

Tuy việc thực nghiệm bước đầu còn đơn giản về nội dung và nhỏ hẹp về quy mô nhưng cũng đã làm sáng tỏ được phần nào lí thuyết về đặc điểm trí tuệ và PCH.

3. Kết luận

Mỗi người đều sở hữu một tài năng thiên bẩm riêng. Tuýp NT là người thực tế, thích làm việc độc lập, có ưu điểm là sắp xếp công việc khoa học, tuân thủ quy tắc, khả năng ngôn ngữ tốt nhưng lại chủ quan, cứng nhắc, kém linh hoạt; thích hợp với những công việc mang tính cụ thể, rõ ràng. Tuýp NP là người mơ mộng, thích làm việc tập thể, có ưu điểm là sáng tạo, mềm dẻo, ghi nhớ hình ảnh tốt nhưng lại làm việc theo ý thích không theo kế hoạch; thích hợp với những phần việc cần sự đột phá và ý tưởng sáng tạo. Vì vậy, để hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập theo nhóm thì mỗi nhóm nên có đủ các KTT. Khi làm việc độc lập, những người thuộc tuýp NT nên cẩn thận ghi chép lại những ý tưởng của mình và nên chọn thi đề “đóng”; ngược lại, người tuýp NP nên viết ra phương hướng hành động, tuân thủ những quy định về thời gian và nên chọn thi đề “mở”.

Tài liệu tham khảo

- [1] Cynthia Ulrich Tobias (2016). *Mỗi đứa trẻ một cách học*. NXB Lao động - Xã hội.
- [2] Rita Dunn - Jeffrey S. Beaudry - Angela Klavas (1989). *Survey of research on learning styles*. The Association for supervision and curriculum development.
- [3] Nguyễn Văn Hạnh (2014). *Dạy học theo phong cách học tập*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, số 2, tr 71-75.
- [4] Bùi Văn Huệ (1996). *Về bản chất của năng lực trí tuệ*. Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, số 9, tr 11-12.
- [5] Howard Gardner (2012). *Cơ cấu trí khôn* (dịch giả: Phạm Toàn, hiệu đính: Phạm Anh Tuấn). NXB Tri thức.
- [6] Lê Thị Bích Ngọc (2009). *Kinh nghiệm chia nhóm hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi theo lý thuyết trí thông minh đa dạng*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 222, tr 21-23.
- [7] Phan Văn Nhân (2013). *Dạy học theo thuyết đa trí tuệ*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 98, tr 9-11.
- [8] Trần Văn Trung (2017). *Tăng cường tổ chức các hình thức hoạt động nhóm theo hướng tiếp cận thuyết đa trí tuệ*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 138, tr 28-30.
- [9] Đoàn Văn Điều (2016). *Tương quan giữa bán cầu não chiếm ưu thế - kiểu học tập với kết quả học tập*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, số 1 (79), tr 16-24.
- [10] Nguyễn Quang Mai (chủ biên, 2004). *Sinh lý học động vật và người*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [11] Nguyễn Chí Tăng (2018). *Vận dụng phương pháp dạy học hợp tác trong giảng dạy môn Giáo dục kỹ năng sống ở trường cao đẳng và đại học*. Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số tháng 02, tr 18-21.

- [12] Phan Trọng Ngọ (chủ biên, 2001). *Tâm lý học trí tuệ*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG...

(Tiếp theo trang 31)

nhân lực của xã hội hay không. Và nhất định là không được áp đặt và lựa chọn nghề nghiệp cho con cái. Không gây áp lực cho con cái về việc thi ĐH hay học nghề. Tạo tâm lý thoải mái, cởi mở ở gia đình để cho con cái sẵn sàng chia sẻ, giải quyết thắc mắc về nghề nghiệp.

- *Đối với nhà trường*: Nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường. Cải tiến hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy bộ môn giáo dục hướng nghiệp nhằm thúc đẩy tính tích cực chủ động, sáng tạo của người học. Xây dựng đội ngũ giáo viên làm công tác hướng nghiệp để phụ trách hoạt động giáo dục hướng nghiệp, đồng thời hỗ trợ, hướng dẫn, tư vấn cho HS trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp tương lai. Tổ chức tốt công tác thông tin nghề nghiệp để giúp HS định hướng và lựa chọn nghề. HS cần được trang bị những kiến thức về thị trường lao động, thế giới nghề nghiệp, các yêu cầu của nghề đối với người lao động. Ngoài ra, cần lồng ghép hướng nghiệp vào các môn học và hoạt động ngoại khóa.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Phê (2010). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học.
- [2] Ủy Ban nhân dân tỉnh Nghệ An (2015). *Kế hoạch phân luồng, hướng nghiệp, dạy nghề học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông đến năm 2020*.
- [3] Phạm Tất Dong (2005). *Giáo dục hướng nghiệp* (sách giáo viên lớp 9). NXB Giáo dục.
- [4] Nguyễn Ngọc Bích (1979). *Nghiên cứu động cơ chọn nghề của thanh niên*. Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Hà Nội.
- [5] Chapman, D. W. (1981). *A model of student college choice*. The Journal of Higher Education, Vol. 52(5), pp. 490-505.
- [6] Marvin J. Burns (2006). *Factors influencing the college choice of African-American students admitted to the college of agriculture, food and natural resources*. A Thesis presented to the Faculty of the Graduate School. University of Missouri, Columbia.
- [7] Hossler, D. - Gallagher K. (1987). *Studying college choice: A three-phase model and implications for policy makers*. College and University, Vol. 2, pp. 207-21.
- [8] J. F. Hair - R. E. Anderson - R. L. Tatham - William C. Black (1998). *Multivariate Data Analysis, Fifth Edition*. Prentice-Hall International, Inc.